

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM TÀI CHÍNH 2016

(TỪ 01/04/2016 ĐẾN 31/03/2017)

HÀ NỘI, THÁNG 5/2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Năm báo cáo: 2016

(Từ ngày 01/4/2016 đến 31/3/2017)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101275603
- Vốn điều lệ: 27.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 27.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 3, ngõ 191 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Số điện thoại: (84-4) 37534862
- Số fax: (84-4) 38361898
- Website: <http://www.vangthanglong.com.vn>
- Mã cổ phiếu: VTL

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tiền thân là Xí nghiệp nước giải khát Thăng Long ra đời ngày 24 tháng 3 năm 1989 trực thuộc Công ty Rượu bia Hà Nội.
- Ngày 16/8/1993: Đổi tên thành Công ty Rượu nước giải khát Thăng Long.
- Năm 2001, thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Thăng Long theo Quyết định số 54/2001/QĐ-TTg ngày 23/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Công ty Cổ phần Thăng Long với số vốn điều lệ ban đầu 11,6 tỷ đồng.
- Tháng 11/2003: Công ty tăng vốn lên 14.047.100.727 đồng.
- Năm 2005: Công ty tăng vốn lên 18.000.000.000 đồng
- Ngày 14/7/2005: Cổ phiếu Công ty được niêm yết và giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 25/5/2009: Đổi tên Công ty cổ phần Thăng Long thành Công ty cổ phần Vang Thăng Long (Giấy đăng ký kinh doanh cấp lần thứ 8 số 0103001012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 25/5/2009).
- Ngày 22/10/2009: Thành lập Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long, vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104008334), do Công ty cổ phần Vang Thăng Long làm chủ sở hữu.
- Ngày 19/6/2013: Công ty tăng vốn điều lệ lên 27.000.000.000 đồng.
- Ngày 08/10/2013: Thành lập Công ty con: Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư địa ốc Thăng Long, vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106328714), do Công ty cổ phần Vang Thăng Long làm chủ sở hữu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất rượu vang.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng).

- Chuẩn bị mặt bằng (Chi tiết: San lấp mặt bằng).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Vận tải hàng hóa).
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô).
- Chế biến và bảo quản rau quả (Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản rau quả).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản thức ăn đông lạnh; Sản xuất các mặt hàng công nghệ phẩm).
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Mua bán rau quả, thức ăn đông lạnh; Kinh doanh xuất nhập khẩu thực phẩm, các mặt hàng công nghệ phẩm; Buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm; Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống; Kinh doanh thực phẩm chế biến).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, ngành chế biến nông, lâm, thủy hải sản).
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, thủy hải sản; Sản xuất các mặt hàng tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ).
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Mua bán hàng nông, lâm, thủy hải sản).
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Ký gửi hàng nông, lâm, thủy hải sản).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh nhà ở; Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà ở, văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày).
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn, lắp đặt, chuyển giao công nghệ, cung cấp thiết bị, dây chuyền SX nước giải khát có gas).
- Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu đồ uống có cồn).
- Bán buôn gạo (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu lương thực; Kinh doanh lương thực).
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ; Buôn bán hàng thủ công mỹ nghệ).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nhựa, hàng tiêu dùng; Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất; Buôn bán các mặt hàng nhựa).
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng may mặc; Buôn bán hàng may mặc đồ da và giả da).
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế).
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke))
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Buôn bán vật liệu và thiết bị xây dựng).
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nhựa).
- Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc đồ da và giả da).
- In ấn (Chi tiết: Sản xuất sản phẩm in các loại).
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Buôn bán sản phẩm in các loại).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: Sản xuất đồ uống không có cồn).
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất các loại bao bì).
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn).
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nhựa).

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh).
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3.2. Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

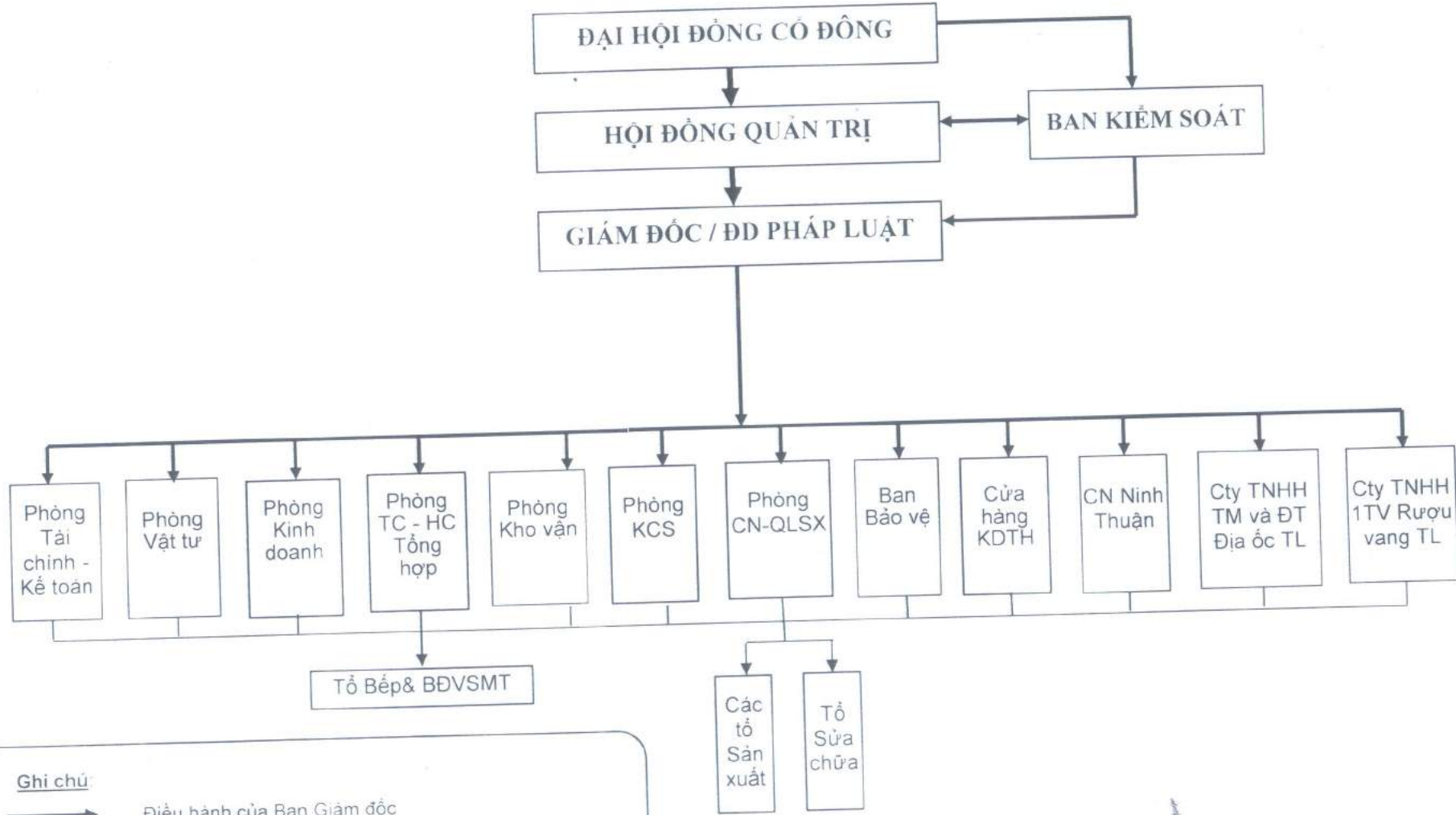
Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo mô hình quản trị của Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc và các Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG NĂM TÀI CHÍNH 2016



Ghi chú:
→ Điều hành của Ban Giám đốc
→ Điều hành cấp Phòng
— Phối hợp công việc giữa các Phòng, Ban và các đơn vị.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

4.2. Hệ thống chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại Ninh Thuận
Địa chỉ: Số 62A Lê Duẩn, TP Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận.

4.3. Công ty con:

4.3.1. Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long

- Địa chỉ: Số 3, ngõ 191 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ các sản phẩm rượu, đồ uống có cồn, không cồn, hàng công nghệ phẩm.
- Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long.

4.3.2. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long

- Địa chỉ: Số 343 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Vốn điều lệ thực góp: 6.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long.

4.4. Công ty liên kết:

4.4.1. Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long

- Địa chỉ: Số 181 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Bán buôn đồ uống.
- Vốn điều lệ thực góp: 270.000.000 đồng chiếm 45% vốn điều lệ Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long.

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Vang Thăng Long thành Công ty vững mạnh, chuyên nghiệp, phấn đấu trở thành một Công ty cung cấp rượu vang hàng đầu Việt Nam.
- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO. Hiện nay, Công ty đang sử dụng ISO 22000 và ISO 14001.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm Vang Thăng Long, đưa ra các sản phẩm mới phù hợp nhu cầu thị trường theo thói quen tiêu dùng quốc tế hướng tới xuất khẩu sang thị trường khu vực và các nước Châu Á.
- Cùng cố, phát triển vùng nguyên liệu sạch, chất lượng cao tại các tỉnh phía Nam đồng thời xây dựng và mở rộng tại các tỉnh phía Bắc để chủ động nguyên liệu đầu vào cho sản xuất.
- Cùng cố, hoàn thiện kênh phân phối, có chính sách hợp lý và linh hoạt đối với các đối tượng khách hàng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh.
- Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Xây dựng chi phí hợp lý, thực hành tiết kiệm, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành sản xuất - kinh doanh.
- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, nghiên cứu phát triển thị trường.

*** Mục tiêu trước mắt:**

- Giữ vững sự ổn định phát triển sản xuất kinh doanh, phát huy tính tự chủ, độc lập, sáng tạo đoàn kết nhằm tăng cường sức mạnh nội lực.
- Đẩy mạnh phát triển thị trường đối với sản phẩm Vang Thăng Long trên toàn quốc theo hướng: Giữ vững thị trường phía Bắc, củng cố thị trường miền Trung và mở rộng thị trường miền Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

- Thúc đẩy tiến độ các dự án xây dựng để sớm đưa vào khai thác, sử dụng.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh doanh để thương hiệu Vang Thăng Long ngày càng được khẳng định trên thị trường, giành được sự quan tâm và tin tưởng của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

5.2. Chiến lược phát triển:

- Mở rộng hệ thống tiêu thụ trong nước.
- Phát triển hệ thống đại lý quốc tế.
- Duy trì và không ngừng phát triển thương hiệu Vang Thăng Long có uy tín cao tại thị trường Việt Nam, trong khu vực và Châu Á.
- Đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất Vang Thăng Long.
- Mở rộng đầu tư xây dựng, kinh doanh văn phòng, nhà ở.

6. Các rủi ro:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần Vang Thăng Long là sản xuất các loại rượu Vang - các sản phẩm được lên men từ các loại trái cây nhiệt đới sẵn có của Việt Nam như: Dâu, mơ, sơn tra, dứa, nho...

Vì vậy, điều kiện về thời tiết là một trong những yếu tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, ảnh hưởng đến sản lượng, chất lượng và giá thành của sản phẩm.

Ngoài ra, các rủi ro về giá cả, tín dụng và thị trường cũng có những ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2016 (Từ ngày 01/4/2016 đến 31/3/2017):

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Một số chỉ tiêu chủ yếu: (Số liệu đã được kiểm toán và chưa được quyết toán thuế)

TT	Chỉ tiêu	KH năm tài chính 2016	TH năm tài chính 2016	Tỷ lệ đạt
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	88	82,8	94%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN (tỷ đồng)	3,5	3,86	110,3%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	2,73	2,7	98,9%
4	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	6 - 8%	6%	

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	450	0,02%	

* Tóm tắt lý lịch Ban điều hành đương nhiệm tại thời điểm 31/3/2017:

2.1.1.

Họ và tên: **Trần Thị Hoàng Liên** Giới tính: Nữ
Họ và tên thường gọi: Trần Thị Hoàng Liên
Sinh ngày: 15 tháng 08 năm 1974
Quê quán: Quảng Minh, Quảng Trạch, Quảng Bình
Nơi thường trú: Số 27 ngách 235/15 Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Dân tộc: Kinh
Tôn giáo: Không
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Trình độ chính trị: Trung cấp
Nơi công tác: Công ty cổ phần Vang Thăng Long
Chức vụ: Kế toán trưởng

Tóm tắt quá trình học tập, công tác

- T9/1992 - 1996: Học Trường Đại học kinh tế quốc dân - Chuyên ngành Kinh tế quốc tế
- T12/1996 - T4/2001: Nhân viên Phòng Hành chính Công ty Rượu - NGK Thăng Long
- T4/2001 - T5/2005: Cán bộ Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- T5/2005 - T5/2006: Quyền trưởng Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- T5/2005 - T6/2007: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kế toán - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
- T5/2006 - 30/1/2008: Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- 31/1/2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

* **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không có

2.2. Số lượng CNCNV:

STT	Đơn vị	31/3/2016	31/3/2017	Ghi chú
1	Khối Vang	111	91	
2	Cửa hàng KDTH	6	4	
3	Chi nhánh Ninh Thuận	1	2	
	Tổng cộng	135	97	

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Tình hình thực hiện các dự án:

* Dự án 343 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội:

Trong năm tài chính 2016, Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tiếp tục hợp tác với Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Á thực hiện dự án tại 343 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội.

* Dự án 181 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016, Công ty triển khai hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần siêu thị VHSC (VietNam) khai thác địa điểm 181 Lạc Long Quân xây dựng “Tòa nhà Trung tâm thương mại, văn phòng làm việc” với tổng mức đầu tư dự kiến là 285 tỷ đồng.

- Công ty cổ phần Vang Thăng Long dành toàn bộ khu đất 181 Lạc Long Quân để hợp tác với Công ty VHSC (VietNam) thực hiện dự án đầu tư.

- Công ty cổ phần siêu thị VHSC (VietNam) sẽ đầu tư toàn bộ chi phí, chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục đầu tư dự án.

3.2. Công ty con:

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con đạt được như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

3.2.1. Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long:

Nội dung	TH 2015	TH 2016	So sánh TH 2016/2015
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	60,5	14,2	23,5%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	59,9	11,3	18,9%
Lợi nhuận trước thuế TNDN (tỷ đồng)	1,4	0,6	42,9%
Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	1,1	0,5	45,5%

3.2.2. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long:

Nội dung	TH 2015	TH 2016	So sánh TH 2016/2015
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	0	0	
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	0	0	
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	0	0	
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	0	0	

3.3. Công ty liên kết:

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long đạt được như sau:

Nội dung	TH 2015	TH 2016	So sánh TH 2016/2015
Tổng doanh thu (tỷ đồng)		33,6	
Doanh thu thuần (tỷ đồng)		33,6	
Lợi nhuận trước thuế TNDN (tỷ đồng)		0,2	
Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)		0,1	

4. Tình hình tài chính:**a) Tình hình tài chính:**

Đơn vị tính: Đồng VN

Chi tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	121.562.191.970	131.383.241.853	108,1%
Doanh thu thuần	83.385.396.911	79.780.575.711	95,7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.803.689.782	3.788.838.971	135,1%
Lợi nhuận khác	839.842.672	67.761.992	8,1%
Lợi nhuận trước thuế	3.643.532.454	3.856.600.963	108,8%
Lợi nhuận sau thuế	2.805.355.869	2.700.895.762	96,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8%	6%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chi tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,03	0,91	88,3%
TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,46	0,31	67,4%
TS ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,74	0,76	102,7%
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	2,88	3,19	110,8%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	1,32	1,07	81,1%
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,69	0,61	88,4%
4. Chỉ tiêu khả năng sinh lời:			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,03	0,03	100%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,09	0,09	100%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,02	0,02	100%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0,03	0,05	166,7%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**5.1. Cổ phần:**

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Tổng số cổ phần: 2.700.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành và cổ phiếu quỹ:

Loại cổ phiếu	Số cổ phiếu
1. Cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000
2. Cổ phiếu quỹ	0
Tổng cộng	2.700.000

5.2. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 27/4/2017:

- Phân loại theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông lớn	1.850.705	68,5%	4
Cổ đông nhỏ	849.295	31,5%	283
Tổng cộng	2.700.000	100%	287

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông tổ chức	1.246.970	46,2%	9
Cổ đông cá nhân	1.453.030	53,8%	278
Tổng cộng	2.700.000	100%	287

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông trong nước	2.660.200	98,5%	266
Cổ đông nước ngoài	39.800	1,5%	21
Tổng cộng	2.700.000	100%	287

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông nhà nước	1.079.955	40%	1
Cổ đông khác	1.620.045	60%	286
Tổng cộng	2.700.000	100%	287

(Cổ đông Nhà nước là Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

5.3. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không có

5.4. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có

5.5. *Các chứng khoán khác:* Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Kinh tế trong nước năm 2016 nhìn chung khá ổn định, tuy nhiên, với ngành Bia, rượu nói riêng gặp khá nhiều khó khăn: Thuế Tiêu thụ đặc biệt tăng nhưng giá bán không thể tăng tương ứng với việc tăng thuế do sức mua của dân chưa cao, ngoài ra người tiêu dùng còn có nhiều lựa chọn các sản phẩm rượu nhập ngoại được nhập về Việt Nam ngày càng nhiều hơn. Vì vậy thị phần, lợi nhuận và doanh số rượu giảm.

Trong năm, Thành phố có quyết định thu hồi đất ở những dự án chậm triển khai do các năm trước để lại. HĐQT và Ban điều hành Công ty đã rất cố gắng tìm mọi biện pháp để giữ lại đất; Khai thác triệt để các tiềm lực sẵn có về địa tô ... cơ bản vượt qua khó khăn, đạt được những chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	CHỈ TIÊU	KH NĂM TÀI CHÍNH 2016	TH NĂM TÀI CHÍNH 2016	TỶ LỆ ĐẠT (%)
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	88	82.8	94
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	3.5	3.86	110.3
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	2.73	2.7	98.9
4	Quỹ lương tối đa (tỷ đồng)	7,5	7.3	97.3
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	6-8	6	

Doanh thu đạt 94% so với kế hoạch vì sản lượng tiêu thụ rượu giảm.

- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch 10,3% là một sự cố gắng lớn vì:
 - + Thuế đất năm 2016 tăng hơn gần 2,0 tỷ đồng so với năm 2015 do năm 2014 đang được hưởng giảm thuế;
 - + Thuế suất Thuế tiêu thụ đặc biệt tăng thêm 5% làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận.
 - + Trong năm Công ty đã tiết giảm được chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công; lãi vay.

Mặc dù có những khó khăn do chủ quan và khách quan như đã nêu trên, nhưng với sự nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành và cùng toàn thể CBNV Công ty bằng các giải pháp Thị trường, Tài cơ cấu tổ chức – hoạt động, Tài chính, khai thác tối đa hệ thống mạng lưới... nên đã có kết quả SXKD sát với kế hoạch.

2. Lợi nhuận và phân chia lợi nhuận năm tài chính 2016:

2.1. Kết quả SX-KD năm tài chính 2016:

- Tổng doanh thu hoạt động SXKD: 82.754.973.020 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 3.856.600.963 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế: 2.700.895.762 đồng
- Thực hiện xong các thủ tục tăng vốn Điều lệ theo Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/12/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

2.2. Phân chia lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2016:

- Thực hiện chia cổ tức 6%: 2.430.000.000 đồng
- Số còn lại của lợi nhuận sau thuế, chờ quyết toán thuế xong xin bổ sung quỹ khen thưởng - phúc lợi.

3. Kết quả thực hiện các dự án đầu tư:

Dự án	KQ thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo
Dự án 343 Lạc Long Quân	Trong năm, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã làm lại các thủ tục và xin được chấp thuận của Thành phố cho tiếp tục triển khai dự án Trung tâm giao dịch, giới thiệu và bán sản phẩm, không bị thu hồi đất. Đang tiến hành xin Giấy phép xây dựng.
Khu đất 181 Lạc Long Quân	Hợp tác đầu tư khai thác địa điểm 181 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội với Công ty CP Siêu thị VHSC (Vietnam)

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2016:

1. Tình hình chung của Công ty:

1.1. Những khó khăn, thuận lợi:

* *Khó khăn:*

Trong năm tài chính 2016, Công ty Cổ phần Vang Thăng Long chịu ảnh hưởng khó khăn chung của nền kinh tế và còn có những khó khăn riêng như: Năng suất lao động chưa cao; Nguồn nhân lực của Công ty còn yếu chưa đáp ứng được những khó khăn, thách thức của kinh tế thị trường; Vòng đời của sản phẩm chủ chốt của Công ty là Vang Thăng Long 700ml đã đến giai đoạn suy thoái, cần có sản phẩm thay thế phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, thuế đất tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt tăng, lương tối thiểu tăng là những khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2016 của Công ty.

* *Thuận lợi:*

- Thương hiệu “Vang Thăng Long” là một thương hiệu còn nhiều lợi thế.
- Công ty có HĐQT tâm huyết, Ban điều hành hành động quyết liệt và toàn thể CBCNV đoàn kết, nỗ lực trong công việc.
- Đặc biệt, Công ty đã được sự ủng hộ toàn diện của Tổng công ty Thương mại Hà Nội cả về đường lối, chiến lược đến hỗ trợ tài chính.

1.2. Những kết quả đạt được trong năm tài chính 2016:

1.2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2016 đã được kiểm toán:

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sát sao Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2016.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt như sau:

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 82,75 tỷ đồng, đạt 94% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 giao.

- Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 3,86 tỷ đồng, đạt 110,3 % so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 giao.

+ Cổ tức đạt 6% (Kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016: 6% - 8%)

1.2.2. Kết quả công tác phát hành cổ phiếu ra công chúng nhằm tăng vốn điều lệ Công ty từ 27 tỷ đồng lên 40,5 tỷ đồng:

Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 diễn ra vào ngày 06/12/2016 đã thông qua Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ từ 27 tỷ đồng lên 40,5 tỷ đồng.

HDQT Công ty đã chỉ đạo thành công công tác chào bán 1.350.000 cổ phiếu cho các đối tượng là ra Cổ đông hiện hữu của Công ty theo danh sách tại ngày chốt danh sách thực hiện mua cổ phần (ngày 08/03/2017) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Kết quả của đợt chào bán như sau:

- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 1.350.000 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số cổ phiếu được phép phát hành.

- Tổng số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu: 13.498.900.000 đồng.

1.2.3. Các công tác khác:

- Trong năm tài chính 2016, Công ty đã thành công trong công tác đưa các sản phẩm của Công ty có mặt trong hầu hết các hệ thống đại siêu thị như: Big C, Co.opmart, Auchan, Satra...

- Để giải quyết vấn đề mặt bằng chuẩn bị cho công tác di dời, Công ty đã chuyển đổi quyền sử dụng diện tích đất 6.330m² với diện tích đất 17.462m² của Công ty Cổ phần Rượu Hapro tại Khu công nghiệp thực phẩm Hapro (Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội).

- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long với vốn điều lệ 600 triệu đồng và chức năng chính là tiêu thụ các sản phẩm của Công ty sản xuất.

- Đã nhập khẩu 24.000 lít rượu vang Chi Lê để đóng chai.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của HDQT:

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên:

- | | |
|--------------------------|-----------------|
| 1. Ông Phạm Xuân Hà | - Chủ tịch HDQT |
| 2. Ông Hoàng Minh Thọ | - Ủy viên |
| 3. Ông Trần Vũ Tuấn | - Ủy viên |
| 4. Ông Phạm Ngọc Quý | - Ủy viên |
| 5. Bà Phan Thị Bích Ngọc | - Ủy viên |

1.2. Hoạt động của HDQT trong năm 2016:

HDQT Công ty Cổ phần Vang Thăng Long luôn coi trọng công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành và các bộ phận quản lý nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng Pháp luật.

Trong năm tài chính 2016, HDQT Công ty đã tiến hành triệu tập họp 10 cuộc họp HDQT và HDQT mở rộng.

Tại các phiên họp, các thành viên HDQT tham dự đầy đủ. Các phiên họp HDQT mở rộng đều có sự tham dự của Ban điều hành Công ty. Các quyết định thông qua tại phiên họp đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên.

Qua các cuộc họp HDQT và HDQT mở rộng, HDQT Công ty đã ban hành 08 Nghị quyết và 05 Quyết định chỉ đạo đối với các hoạt động của Công ty một cách kịp thời, cùng Ban điều hành thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Ban kiểm soát:**2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát gồm các thành viên:

- | | |
|-------------------------|------------------------|
| 1. Bà Trần Thu Hà | - Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Bà Phạm Thị Ngọc Lan | - Ủy viên |
| 3. Bà Nguyễn Bích Thu | - Ủy viên |

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm tài chính 2016, Ban kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vang Thăng Long.

Đại diện Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT mở rộng.

Ban kiểm soát Công ty luôn theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Ban kiểm soát đã tổ chức các buổi làm việc tại Công ty để kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng vốn và kiểm tra số liệu của báo cáo tài chính năm. Chuẩn bị đầy đủ số liệu để báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành:**3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm tài chính 2016 (từ 01/4/2016 đến 31/3/2017) của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành đương nhiệm tại thời điểm 31/3/2017:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
1	Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT, kiêm nhiệm điều hành Công ty	203.079.388	
2	Hoàng Minh Thọ	Ủy viên HĐQT	42.300.000	
3	Trần Vũ Tuấn	Ủy viên HĐQT	42.300.000	
4	Phạm Ngọc Quý	Ủy viên HĐQT	42.300.000	
5	Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên HĐQT	42.300.000	
6	Trần Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	41.300.000	
7	Phạm Thị Ngọc Lan	Ủy viên BKS	87.507.471	
8	Nguyễn Bích Thu	Ủy viên BKS	154.222.579	
9	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	114.494.455	

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/3/2017 của Công ty cổ phần Vang Thăng Long:

*** Đơn vị thực hiện kiểm toán:** Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội: Số 15, Ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội

*** Ý kiến của kiểm toán viên tại Báo cáo kiểm toán số: 225/2017/BCKT-AASCN ngày 08/5/2017 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2016 của Công ty CP Vang Thăng Long được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.090.802.001	89.766.046.848
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.063.940.796	5.304.474.907
1.	Tiền	111	V.01	2.063.940.796	5.304.474.907
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	3.750.000.000	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.750.000.000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.245.937.665	34.127.027.187
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	19.709.564.176	26.780.578.092
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.371.689.105	3.919.258.761
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	3.164.684.384	3.427.190.334
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	57.867.588.741	50.057.467.326
1.	Hàng tồn kho	141		57.867.588.741	50.057.467.326
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		163.334.799	277.077.428
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	85.128.463	96.260.021
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.908.521
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	78.206.336	178.908.886
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.292.439.852	31.796.145.122
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	3.794.380.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	44.380.000
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	3.750.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		17.907.863.210	13.952.341.946
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	17.883.234.183	13.917.827.691
	- Nguyên giá	222		54.094.724.135	49.460.083.285
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(36.211.489.952)	(35.542.255.594)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	24.629.027	34.514.255
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(70.370.973)	(60.485.745)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.09	-	7.144.297.448
1.	Nguyên giá	231		-	8.261.425.803
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	(1.117.128.355)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.06	2.549.989.544	2.224.469.373
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.549.989.544	2.224.469.373
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.357.685.952	1.200.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		157.685.952	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		21.476.901.146	3.480.656.355
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	21.476.901.146	3.480.656.355
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		131.383.241.853	121.562.191.970

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		99.990.073.109	90.259.918.988
I.	Nợ ngắn hạn	310		96.300.428.169	87.237.424.844
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	7.596.942.544	2.574.881.496
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.375.514.835	12.999.166.810
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.979.581.998	7.605.455.787
4.	Phải trả người lao động	314		511.420.703	601.250.995
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	237.133.570	500.400.000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.563.627.028	708.841.020
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	60.034.636.738	62.245.857.983
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.570.753	1.570.753
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		3.689.644.940	3.022.494.144
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	509.488.387
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	3.689.644.940	2.513.005.757
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.393.168.744	31.302.272.982
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	31.393.168.744	31.302.272.982
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.475.755.461	1.475.755.461
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.917.413.283	2.826.517.521
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		216.517.521	21.161.652
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.700.895.762	2.805.355.869
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ động không kiểm soát	429		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		131.383.241.853	121.562.191.970

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	82.754.973.020	84.002.250.409
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	2.974.397.309	616.853.498
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		79.780.575.711	83.385.396.911
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	61.664.639.013	66.074.190.680
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.115.936.698	17.311.206.231
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	246.361.186	95.008.267
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	6.297.839.185	5.790.047.095
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.296.954.640</i>	<i>5.789.138.015</i>
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		57.685.952	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	3.509.639.953	3.850.877.496
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	4.823.665.727	4.961.600.125
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.788.838.971	2.803.689.782
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	927.191.588	1.006.203.788
13.	Chi phí khác	32	VI.07	859.429.596	166.361.116
14.	Lợi nhuận khác	40		67.761.992	839.842.672
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.856.600.963	3.643.532.454
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.155.705.201	838.176.585
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.700.895.762	2.805.355.869
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.700.895.762	2.805.355.869
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.000	872
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.000	872

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		94.930.024.917	92.966.254.962
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(61.148.213.862)	(63.995.601.776)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.460.507.352)	(8.032.119.708)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(6.327.609.820)	(5.876.400.605)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.500.365.436)	(1.010.249.116)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.984.021.241	53.233.940
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.878.439.442)	(24.341.783.481)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.598.910.246	(10.236.665.784)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6.029.146.454)	(5.367.156.597)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		927.090.909	1.069.090.909
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.750.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(100.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		246.361.186	95.008.267
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.705.694.359)	(4.203.057.421)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		64.846.626.541	81.743.398.466
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(65.881.208.603)	(68.061.701.691)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.099.167.936)	(1.620.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.133.749.998)	12.061.696.775
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.240.534.111)	(2.378.026.430)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.304.474.907	7.682.501.337
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		2.063.940.796	5.304.474.907

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến 31 tháng 3 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết gồm:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	Số 181 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	45%	45%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa

25 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư bán trong năm, chỉ phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

16. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

Nếu đến cuối năm kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong tập đoàn.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả tập đoàn. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND*

01. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	184.621.730	1.287.945.683
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.879.319.066	4.016.529.224
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	2.063.940.796	5.304.474.907

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	3.750.000.000	3.750.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	3.750.000.000	3.750.000.000	-	-
Cộng	3.750.000.000	3.750.000.000	-	-

(*): Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng, lãi suất 6,5%/năm.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*) Dự phòng	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			100.000.000	157.685.952	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long ^(a)	45	45	100.000.000	157.685.952	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác			1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro	2,5	2,5	1.000.000.000	1.000.000.000	-	2,5	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	4,76	4,76	200.000.000	200.000.000	-	4,7	200.000.000	200.000.000
Cộng			1.300.000.000	1.357.685.952	-		1.200.000.000	1.200.000.000

(*): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty liên kết được xác định theo phương pháp vốn chủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

^(a) Trong năm công ty góp 100.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long. Vốn cam kết góp của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long là 270.000.000 đồng (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Vang Thăng Long. Vốn thực góp của Công ty tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2017 là 100.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 27% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long		
Doanh thu bán hàng hóa	123.255.253	-
Doanh thu bán thành phẩm	28.285.275.682	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.043.636.832	-
Chuyển tiền góp vốn	100.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	19.709.564.176	26.780.578.092
- Công ty TNHH Tuấn Đạt	2.095.753.496	3.395.753.496
- Công ty cổ phần Thực phẩm Nông sản và Du lịch Thanh Hóa	11.445.734	2.205.834.683
- Bà Vương Thị Thanh Hà	-	2.624.999.850
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	7.017.384.544	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	10.584.980.402	18.553.990.063
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	19.709.564.176	26.780.578.092
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	7.017.384.544	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	7.017.384.544	-
Cộng	7.017.384.544	-

04. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Ngắn hạn	3.164.684.384	-	3.427.190.334	-
- Tạm ứng	867.188.554	-	1.590.428.217	-
- Phải thu khác	2.297.495.830	-	1.836.762.117	-
b. Dài hạn	-	-	3.750.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	3.750.000.000	-
Cộng	3.164.684.384	-	7.177.190.334	-

05. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	7.694.403.542	-	4.942.074.624	-
- Công cụ, dụng cụ	514.811.961	-	585.435.287	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	38.156.337.725	-	33.875.568.411	-
- Thành phẩm	4.918.852.060	-	6.294.781.798	-
- Hàng hoá	2.100.062.833	-	1.197.956.682	-
- Hàng gửi đi bán	4.483.120.620	-	3.161.650.524	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	57.867.588.741	-	50.057.467.326	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***06. Tài sản dở dang dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
- Xây dựng cơ bản	2.549.989.544	2.224.469.373
+ Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	929.691.727
+ Công trình 45 Lạc Long Quân	973.659.328	973.659.328
+ Công trình 343 Lạc Long Quân	646.638.489	321.118.318
Cộng	<u>2.549.989.544</u>	<u>2.224.469.373</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG
Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	13.355.914.367	30.902.737.758	2.905.469.690	349.239.818	1.946.721.652	49.460.083.285
- Mua trong năm	-	6.012.782.818	-	-	-	6.012.782.818
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.378.141.968)	-	-	-	(1.378.141.968)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	13.355.914.367	35.537.378.608	2.905.469.690	349.239.818	1.946.721.652	54.094.724.135
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.679.323.439	22.823.143.090	1.530.949.395	323.188.082	1.185.651.588	35.542.255.594
- Khấu hao trong năm	361.173.780	1.302.629.194	221.543.832	9.248.124	152.781.396	2.047.376.326
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.378.141.968)	-	-	-	(1.378.141.968)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	10.040.497.219	22.747.630.316	1.752.493.227	332.436.206	1.338.432.984	36.211.489.952
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	3.676.590.928	8.079.594.668	1.374.520.295	26.051.736	761.070.064	13.917.827.691
2. Tại ngày cuối năm	3.315.417.148	12.789.748.292	1.152.976.463	16.803.612	608.288.668	17.883.234.183

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 24.735.391.291 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 27.404.339.735 đồng và 11.269.480.623 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng và Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>45.768.745</i>	<i>14.717.000</i>	<i>60.485.745</i>
- Khấu hao trong năm	5.510.232	4.374.996	9.885.228
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>51.278.977</i>	<i>19.091.996</i>	<i>70.370.973</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>14.231.255</i>	<i>20.283.000</i>	<i>34.514.255</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>8.721.023</i>	<i>15.908.004</i>	<i>24.629.027</i>

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư				
	8.261.425.803	-	(8.261.425.803)	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.261.425.803	-	(8.261.425.803)	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
	1.117.128.355	247.842.774	(1.364.971.129)	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	1.117.128.355	247.842.774	(1.364.971.129)	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
	7.144.297.448	-	(7.144.297.448)	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	7.144.297.448	-	(7.144.297.448)	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	85.128.463	96.260.021
- Phí bảo hiểm	47.204.644	71.623.621
- Các khoản khác	37.923.819	24.636.400
b. Dài hạn	21.476.901.146	3.480.656.355
- Giá trị còn lại của công cụ xuất dùng chờ phân bổ	244.005.508	267.767.962
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	20.248.935.200	2.559.141.518
- Chi phí sửa chữa	836.242.664	401.746.875
- Chi phí khác	147.717.774	252.000.000
Cộng	<u>21.562.029.609</u>	<u>3.576.916.376</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay ngắn hạn							
- Vay ngân hàng	62.245.857.983	62.245.857.983	63.332.282.441	65.543.503.686	60.034.636.738	60.034.636.738	
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tây Hồ ^(a)	40.551.784.376	40.551.784.376	50.544.719.566	51.567.276.895	39.529.227.047	39.529.227.047	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(b)	8.145.737.927	8.145.737.927	9.716.562.994	8.145.737.927	9.716.562.994	9.716.562.994	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(c)	14.188.361.043	14.188.361.043	22.211.332.724	18.479.734.850	17.919.958.917	17.919.958.917	
- Vay đối tượng khác	18.217.685.406	18.217.685.406	18.616.823.848	24.941.804.118	11.892.705.136	11.892.705.136	
+ Các cá nhân ^(d)	20.718.253.771	20.718.253.771	11.201.906.975	13.000.406.955	18.919.753.791	18.919.753.791	
- Vay dài hạn đến hạn trả	20.718.253.771	20.718.253.771	11.201.906.975	13.000.406.955	18.919.753.791	18.919.753.791	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	975.819.836	975.819.836	1.585.655.900	975.819.836	1.585.655.900	1.585.655.900	
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn ^(f)	583.819.836	583.819.836	1.193.655.900	583.819.836	1.193.655.900	1.193.655.900	
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000	
Từ 1 năm đến 5 năm	2.513.005.757	2.513.005.757	3.100.000.000	1.923.360.817	3.689.644.940	3.689.644.940	
- Vay ngân hàng	2.513.005.757	2.513.005.757	3.100.000.000	1.923.360.817	3.689.644.940	3.689.644.940	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	2.513.005.757	2.513.005.757	3.100.000.000	1.923.360.817	3.689.644.940	3.689.644.940	
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn ^(f)	1.043.005.757	1.043.005.757	3.100.000.000	1.531.360.817	2.611.644.940	2.611.644.940	
Cộng	1.470.000.000	1.470.000.000	-	392.000.000	1.078.000.000	1.078.000.000	
	64.758.863.740	64.758.863.740	66.432.282.441	67.466.864.503	63.724.281.678	63.724.281.678	

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 03 xe ô tô 03 xe nâng hàng, 108 tank inox, hợp đồng tiền gửi, 58 tank inox và thế chấp một số tài sản của ông Phạm Xuân Hà - Chủ tịch Hội đồng quản trị tại số 8a phố Đặng Tất, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang, thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (d) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất từ 9%/năm đến 9,5%/năm.
- (e) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua Tank và ô tô. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm - 9,6%/năm.
- (f) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn để thanh toán tiền mua tank inox, hệ thống xiết nắp chai và máy chiết rót rượu vào chai. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất 8,27%/năm.

12. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	7.596.942.544	7.596.942.544	2.574.881.496	2.574.881.496
- Công ty TNHH thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải phòng	4.209.420.600	4.209.420.600	2.266.127.325	2.266.127.325
- Phải trả đối tượng khác	3.387.521.944	3.387.521.944	308.754.171	308.754.171
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	509.488.387	509.488.387
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng & Công trình Kiến trúc Hà Nội	-	-	443.786.433	443.786.433
- Phải trả đối tượng khác	-	-	65.701.954	65.701.954
Cộng	7.596.942.544	7.596.942.544	3.084.369.883	3.084.369.883

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	237.436.813	1.539.396.703	877.224.461	-	899.609.055
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	6.865.223.480	8.969.486.507	9.794.659.896	-	6.040.050.091
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	178.908.886	445.362.785	1.155.705.201	1.500.365.436	78.206.336	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	57.432.709	289.355.728	306.865.585	-	39.922.852
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	3.226.855.069	3.226.855.069	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
Cộng	178.908.886	7.605.455.787	15.189.799.208	15.714.970.447	78.206.336	6.979.581.998

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	237.133.570	500.400.000
- Chi phí lãi vay	62.133.570	56.000.000
- Chi phí phải trả khác	175.000.000	444.400.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	237.133.570	500.400.000

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	1.563.627.028	708.841.020
- Kinh phí công đoàn	23.341.992	59.946.983
- Bảo hiểm xã hội	-	59.720.011
- Bảo hiểm y tế	-	43.501.492
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	20.155.355
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.540.285.036	525.517.179
+ Cổ tức phải trả	60.832.064	-
+ Lãi vay phải trả	-	36.788.750
+ Các đối tượng khác	1.479.452.972	488.728.429
b. Dài hạn	-	-
Cộng	1.563.627.028	708.841.020

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.124.482.828	30.600.238.289
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	2.805.355.869	2.805.355.869
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.103.321.176)	(2.103.321.176)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.826.517.521	31.302.272.982
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	2.700.895.762	2.700.895.762
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.610.000.000)	(2.610.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	27.000.000.000	1.475.755.461	2.917.413.283	31.393.168.744

(*): Chi tiết phân phối lợi nhuận năm nay

	Số cuối năm
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	450.000.000
Trích cổ tức chi trả	2.160.000.000
Tổng phân phối lợi nhuận	2.610.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	10.799.550.000	40	10.799.550.000	40
Vốn góp của các cổ đông khác	16.200.450.000	60	16.200.450.000	60
Cộng	27.000.000.000	100	27.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.160.000.000	1.620.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.475.755.461	1.475.755.461
Cộng	1.475.755.461	1.475.755.461

17. Nguồn kinh phí

	Năm nay	Năm trước
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	-	31.160.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	(31.160.000)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Đơn vị tính: VND*

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	33.154.903.759	36.862.818.342
- Doanh thu bán thành phẩm	29.719.478.747	43.914.803.106
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.070.666.832	-
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	17.809.923.682	3.224.628.961
Cộng	82.754.973.020	84.002.250.409

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	291.538.414	522.708.825
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	2.682.858.895	94.144.673
Cộng	2.974.397.309	616.853.498

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	30.118.734.152	29.962.310.212
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	21.631.245.016	35.696.316.021
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	122.521.512	-
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	9.790.494.199	415.564.447
- Giá trị hàng tồn kho hủy trong năm	1.644.134	-
Cộng	61.664.639.013	66.074.190.680

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	246.361.186	95.008.267
Cộng	246.361.186	95.008.267

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	6.296.954.640	5.789.138.015
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	884.545	-
- Chi phí tài chính khác	-	909.080
Cộng	6.297.839.185	5.790.047.095

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	927.090.909	1.000.203.788
- Các khoản khác	100.679	6.000.000
Cộng	927.191.588	1.006.203.788

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt hành chính	859.415.765	166.361.116
- Các khoản khác	13.831	-
Cộng	859.429.596	166.361.116

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	4.823.665.727	4.961.600.125
- Chi phí nhân viên quản lý	1.471.309.414	2.412.664.099
- Chi phí đồ dùng văn phòng	169.700.109	189.566.061
- Chi phí khấu hao TSCĐ	86.652.132	252.580.473
- Thuế, phí và lệ phí	1.833.241.162	1.515.713.160
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	702.602.125	196.774.068
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	560.160.785	394.302.264
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	3.509.639.953	3.850.877.496
- Chi phí nhân viên	684.680.697	1.594.888.195
- Chi phí vật liệu, bao bì	12.870.429	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	126.816.792	213.048.256
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.934.828.872	987.637.289
- Chi phí khác	750.443.163	1.055.303.756
Cộng	8.333.305.680	8.812.477.621

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.155.705.201	838.176.585
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.155.705.201	838.176.585

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.700.895.762	2.805.355.869
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.700.895.762	2.805.355.869
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	-	450.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.000	872

^(*)Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận tại chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.700.895.762	2.805.355.869
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.700.895.762	2.805.355.869
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	-	450.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.000	872

^(*)Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận tại chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.537.454.066	22.239.699.570
- Chi phí nhân công	7.341.183.754	10.853.075.749
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.305.104.328	2.267.932.829
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.067.403.838	4.314.805.730
- Chi phí khác bằng tiền	5.531.259.997	4.327.829.056
Cộng	42.782.405.983	44.003.342.934

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	238.267.808	638.187.455
Cộng	238.267.808	638.187.455

03. Thay đổi chính sách kế toán

Điều chỉnh hồi tố

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm tài chính từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến 31 tháng 3 năm 2016 được điều chỉnh lại do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.039	(167)	872
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.039	(167)	872

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận chuyển, dịch vụ nhân công;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng, chuyển nhượng bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG
Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất rượu	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Năm nay					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	26.745.081.438	33.154.903.759	2.070.666.832	17.809.923.682	79.780.575.711
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	26.435.805.048	36.072.734.133	494.374.508	12.988.823.051	75.991.736.740
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	309.276.390	(2.917.830.374)	1.576.292.324	4.821.100.631	3.788.838.971
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.029.146.454	-	-	-	6.029.146.454
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.717.669.170	1.754.173.541	109.555.708	1.190.137.679	5.771.536.098
Số dư cuối năm nay					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	50.142.034.551	46.304.269.403	2.891.901.467	24.873.409.684	124.211.615.105
- Tài sản không phân bổ					7.171.626.748
Tổng tài sản	50.142.034.551	46.304.269.403	2.891.901.467	24.873.409.684	131.383.241.853
- Nợ phải trả bộ phận	33.519.445.235	41.552.835.927	2.595.153.940	22.321.067.254	99.988.502.356
- Nợ phải trả không phân bổ					1.570.753
Tổng nợ phải trả	33.519.445.235	41.552.835.927	2.595.153.940	22.321.067.254	99.990.073.109

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản xuất rượu	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Đơn vị tính: VND
Năm trước					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	43.879.153.895	36.281.614.055	-	3.224.628.961	83.385.396.911
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	43.282.175.153	36.078.128.945	-	1.221.403.031	80.581.707.129
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	596.978.742	203.485.110	-	2.003.225.930	2.803.689.782
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.129.429.090	-	-	-	6.129.429.090
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.254.813.502	223.380.943	-	367.166.576	2.845.361.021
Số dư cuối năm trước					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	75.337.911.562	28.243.142.575	-	11.476.662.926	115.057.717.063
- Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	6.504.474.907
Tổng tài sản	75.337.911.562	28.243.142.575	-	11.476.662.926	121.562.191.970
- Nợ phải trả bộ phận	60.419.519.405	25.488.342.350	-	4.350.486.480	90.258.348.235
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.570.753
Tổng nợ phải trả	60.419.519.405	25.488.342.350	-	4.350.486.480	90.259.918.988

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG
Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.063.940.796	-	5.304.474.907	-	2.063.940.796	5.304.474.907
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.859.924.961	-	26.617.340.209	-	19.859.924.961	26.617.340.209
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.750.000.000	-	-	-	3.750.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	26.873.865.757	-	33.121.815.116	-	26.873.865.757	33.121.815.116

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	7.596.942.544	3.084.369.883	7.596.942.544	3.084.369.883
Vay và nợ	63.724.281.678	64.758.863.740	63.724.281.678	64.758.863.740
Chi phí phải trả	237.133.570	500.400.000	237.133.570	500.400.000
Các khoản phải trả khác	372.857.055	525.517.179	372.857.055	525.517.179
Cộng	71.931.214.847	68.869.150.802	71.931.214.847	68.869.150.802

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

06. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V.11). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Tài sản thế chấp	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Điều kiện thế chấp
Số cuối năm			
Tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng			
Máy móc thiết bị	19.203.260.295	5.438.083.706	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	2.020.584.107	674.919.631	
Tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP Tiên Phong			
Máy móc thiết bị	5.352.210.000	4.678.420.454	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	828.285.333	478.056.832	
Tổng cộng	27.404.339.735	11.269.480.623	

07. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

08. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	7.596.942.544	-	-	7.596.942.544
Vay và nợ	60.034.636.738	3.689.644.940	-	63.724.281.678
Chi phí phải trả	237.133.570	-	-	237.133.570
Các khoản phải trả khác	372.857.055	-	-	372.857.055
Cộng	68.241.569.907	3.689.644.940	-	71.931.214.847
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	2.574.881.496	509.488.387	-	3.084.369.883
Vay và nợ	62.245.857.983	2.513.005.757	-	64.758.863.740
Chi phí phải trả	500.400.000	-	-	500.400.000
Các khoản phải trả khác	525.517.179	-	-	525.517.179
Cộng	65.846.656.658	3.022.494.144	-	68.869.150.802

09. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

10. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, chi tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “Lãi suy giảm trên cổ phiếu” được điều chỉnh lại theo quy định của chế độ kế toán (chi tiết thuyết minh số VIII.03).

11. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

* Toàn bộ Báo cáo tài chính năm tài chính 2016 của Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đã kiểm toán được đăng đầy đủ trên website: <http://www.vangthanglong.com.vn>.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

* Cơ cấu cổ đông trình bày trong báo cáo là danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 27/4/2017 để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Công ty không có danh sách cổ đông tại thời điểm 31/3/2017.

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Xuân Hà